

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/DS-PT

Ngày 28/4/2026

“V/v Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, thanh toán giá trị tài sản, hỗ trợ chi phí tháo dỡ, công khai xin lỗi tại Tòa án bằng văn bản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuán và Ông Nguyễn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Đỗ Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc *“Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, thanh toán giá trị tài sản, hỗ trợ chi phí tháo dỡ, công khai xin lỗi tại Tòa án bằng văn bản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2026/QĐXX-PT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Lê Thị N, sinh năm 1965; cùng trú tại: Đ, thôn D, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1958; cư trú tại: Số B đường N, tổ I, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Tấn D, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Khu dân cư S, thôn C, xã M, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2025) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị N trình bày:*

Ngày 04/8/2016, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lâm Thị Thu L hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C. Theo hợp đồng, ông T, bà Thu nhận chuyển nhượng thửa đất số 224, tờ bản đồ 32, diện tích 300m² tại xã B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 587941, số vào sổ cấp GCN CH12238 do UBND huyện B cấp ngày 18/5/2015 cho bà Lâm Thị T1, với giá chuyển nhượng là 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*). Thực tế khi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng thì trên thửa đất đã có 01 căn nhà tạm có diện tích 78,5m² (10mx7,85m) do bà T1 xây dựng, nhà tạm (nhà kho) này đã xuống cấp, hư hỏng không thể sử dụng được công năng và cũng không sử dụng được vật tư nếu tháo dỡ nên bà T1 có nói bằng miệng với ông, bà là nhà kho này không cần đưa vào hợp đồng chuyển nhượng và nói cho ông, bà ngôi nhà này, không yêu cầu gì về tiền bạc nên ông, bà đồng ý nhận. Ngôi nhà này hiện bà T1 không sử dụng mà bà khóa cửa.

Sau khi làm xong thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông bà, bà T1 không thực hiện thỏa thuận bằng miệng là cho ông bà ngôi nhà tạm này. Bà T1 nhiều lần gây khó khăn cho ông bà tháo dỡ ngôi nhà tạm này để làm nhà nên ông bà nhiều lần yêu cầu bà T1 tháo dỡ ngôi nhà này nhưng bà T1 lại cố tình không chịu tháo dỡ. Nay ông bà không có nhu cầu sử dụng ngôi nhà tạm này và yêu cầu bà T1 phải tháo dỡ ngôi nhà tạm này và tài sản trong ngôi nhà trên thửa đất của ông bà, để ông bà thực hiện quyền sử dụng đất. Ông bà không đồng ý thanh toán giá trị ngôi nhà này cho bà T1. Ông, bà chỉ đồng ý hỗ trợ 3.000.000 đồng để bà T1 di dời ngôi nhà tạm này.

Bà N không đồng ý công khai xin lỗi bà T1 tại Tòa vì bà không có xúc phạm danh dự bà T1. Khi vợ chồng bà với bà T1 đến chỗ một cửa làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông bà, lúc bà T1 đi ra ngoài photo giấy tờ, còn bà ở lại thì bà có hỏi người cầm hồ sơ giấy tờ chuyển nhượng đất của bà T1 sang vợ chồng bà. Bà không biết bà hỏi người có thẩm quyền thì bảo bà là vu khống. Bà không có nói bà T1 lừa đảo như bà T1 trình bày.

Tại đơn phản tố ngày 18/01/2018, đơn khởi kiện phản tố bổ sung ngày 17/4/2018, ngày 06/6/2020 của bị đơn bà Lâm Thị T1 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phan Tấn D trình bày:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ 32, diện tích 300m² đúng như ông Lê Văn T, bà Lê Thị N trình bày. Nay bị đơn không có yêu cầu hay tranh chấp gì về việc chuyển quyền sử dụng đất với ông T, bà N đối với thửa đất số 224. Khi bà chuyển nhượng thửa đất số 224 cho ông T, bà N thì trên thửa đất có căn nhà cấp 4, chiều rộng 7,85m, chiều dài 10m. Tuy nhiên, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì các bên không đề cập gì đến việc chuyển quyền sử dụng tài sản trên đất (ngôi nhà bà đã nêu ở trên). Bà đã xây dựng 03 phòng đã ngăn riêng biệt, có 02 phòng đã có 02 nhà vệ sinh, đã lắp

thiết bị, 01 phòng làm bếp đã lắp đặt chậu rửa, hệ thống điện nước đầy đủ, có 3 bộ cửa panô sắt và 01 cửa sổ. Trước đây, bà làm nhà để sử dụng, phía sau làm Văn phòng cho Công ty và phía trước làm nhà xưởng cán tole, lưới B40 nên nhà xây dựng rất kiên cố. Vì vậy, ngôi nhà cấp 4 nêu trên vẫn thuộc quyền sở hữu của bà. Nay bà đồng ý tháo dỡ ngôi nhà diện tích 78,5m² và tài sản trong ngôi nhà trên thửa đất số 224 nhưng bà yêu cầu ông T, bà N hỗ trợ chi phí tháo dỡ ngôi nhà với số tiền 35.000.000 đồng. Tại đơn xin rút một phần đơn khởi kiện phản tố ngày 04/6/2020, bà T1 rút yêu cầu ông T, bà N hỗ trợ chi phí tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 cho bà số tiền 35.000.000 đồng.

Tại đơn phản tố ngày 06/6/2020, bà Lâm Thị T1 trình bày: Giao ngôi nhà cấp 4, có chiều rộng 7,85m, chiều dài 10m, diện tích 78,5m² cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị N sở hữu, sử dụng, ông T, bà N có trách nhiệm thối lại giá trị ngôi nhà cho bà số tiền 35.000.000 đồng.

Khi bà và ông T, bà N đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Lúc bà ra ngoài thì bà N có hỏi cán bộ Phòng tài nguyên và Môi trường Giấy chứng nhận của bà thật hay giả, hỏi chứ sợ lừa đảo thì có ông Phạm Anh T2, địa chỉ tô dân phố A, phường C, thành phố Q cũng làm sổ đỏ tại Phòng T nghe và nói lại với bà. Bà N vô cớ nói bà lừa đảo tại Phòng T đã xúc phạm danh dự của bà. Nay bà yêu cầu bà N phải công khai xin lỗi bà tại Tòa án bằng văn bản. Bà không yêu cầu ông T phải công khai xin lỗi bà tại Tòa án.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật dân sự; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị T1 về yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị N hỗ trợ chi phí tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 224, tờ bản đồ số 3, xã B (nay xã V) số tiền 35.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị N về yêu cầu buộc bà Lâm Thị T1 tháo dỡ ngôi nhà cấp 4, có chiều rộng 7,85m, chiều dài 10m, diện tích 78,5m², xã B (nay là xã V). Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị T1 yêu cầu nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị N thanh toán giá trị tài sản là căn nhà.

2.1. Buộc bà Lâm Thị T1 giao ngôi nhà có tổng mặt bằng xây dựng là 76m² gồm: Nền xi măng diện tích 12,2m² (ký hiệu A), nền xi măng diện tích 34,6m² (ký hiệu B), khu bếp diện tích 1,5m² (ký hiệu C), phòng đa năng diện tích 6,7m² (ký hiệu D), phòng tắm diện tích 2,57m² (ký hiệu E), Wc diện tích 2m² (ký hiệu F), phòng vệ sinh diện tích 3,7m² (ký hiệu G), phòng đa năng diện tích 12,8m² (ký hiệu H), cửa, trụ nhà, vách ngăn phòng vệ sinh, đoạn tường xây

còn lại, trên thửa đất số 224, tờ bản đồ số 3 xã V, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 328; phía Tây giáp thửa 334; Phía Nam giáp thửa 373; Phía Bắc giáp phần đất thửa 224,(được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1 theo bản vẽ kèm bản án) cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị N sở hữu, sử dụng.

2.2. Buộc ông Lê Văn T, bà Lê Thị N phải hoàn trả giá trị còn lại của tài sản căn nhà là 9.307.770 đồng (*Chín triệu, ba trăm linh bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng*) cho bà Lâm Thị T1.

3. Buộc bà Lâm Thị Thu dọn D1, di dời những vật dụng để trong căn nhà không gắn liền với thửa đất số 224 và không thuộc các tài sản tại tiểu mục 2.1 mục 2 đề giao căn nhà này cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị N sở hữu.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị T1 yêu cầu bà Lê Thị N công khai xin lỗi tại Tòa án, bằng văn bản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, chi phí thẩm định giá và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2025, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Phan Tấn D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về kháng cáo: Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đơn kháng cáo của ông Phan Tấn D được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

[2.1] Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng không có tài liệu, chứng cứ nào trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bị đơn bà Lâm Thị T1 đã làm hoặc nộp đơn xin rút yêu cầu phản tố vào ngày 04/6/2020. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn phản tố ngày 18/01/2018, đơn khởi kiện phản tố bổ sung ngày 17/4/2018, bà Lâm Thị T1 có nộp đơn phản tố với nội dung yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị N hỗ trợ chi phí tháo dỡ ngôi nhà với số tiền 35.000.000 đồng và công khai xin lỗi bà T1 tại Tòa án với hình thức bằng văn bản. Sau khi xem xét đơn phản tố, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn (nay là Tòa án khu vực 2 - Quảng Ngãi) đã ra Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 126/TB-TLVA ngày 02/5/2018. Đến ngày 04/6/2020, bà Lâm Thị T1 có đơn xin rút một phần đơn phản tố, với nội dung: “...*Nay tôi có đơn này xin được rút lại một phần yêu cầu của tôi tại Đơn phản tố đề ngày 17/4/2018 đối với yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T và bà Lê Thị N hỗ trợ cho tôi số tiền 35.000.000 đồng là chi phí tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 224, tờ bản đồ số 32. Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông T, bà N công khai xin lỗi bà tại Tòa án, phương thức yêu cầu xin lỗi bằng văn bản...*”

Xét thấy, nội dung và hình thức đơn rút phản tố của bà Lâm Thị T1 phù hợp theo quy định của pháp luật, việc rút đơn của bà T1 là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố mà bà T1 đã rút là có căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng yêu cầu phản tố của bị đơn ghi ngày 28/8/2025 được gửi trước khi Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, vì lý do ngày 28/8/2025 Tòa án mới thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; sau khi kết thúc hoạt động thẩm định, Tòa án chưa thực hiện nghĩa vụ công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 28/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản tranh chấp là ngôi nhà tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 32 thuộc xóm B, thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Tại các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện bị đơn bà Lâm Thị T1 không thống nhất làm việc, tự ý bỏ về. Ngày 29/8/2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo kết quả định giá tài sản số 04/TB-TA cũng như Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ số 10/TB-TA để cho các đương sự được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều không có ý kiến gì. Xét thấy nội dung

Đơn phản tố bổ sung đề ngày 28/8/2025 của bà Lâm Thị T1 về việc yêu cầu buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị N chừa lối đi riêng có diện tích tối thiểu là 02m tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 3, xã V; trường hợp không thỏa thuận được thì buộc nguyên đơn khôi phục lại hiện trạng trước thời điểm tranh chấp là vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và nộp sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, trong vụ án này, giữa nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng như quyền sử dụng đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 3, xã V mà chỉ tranh chấp yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, chi phí hỗ trợ tháo dỡ và thanh toán giá trị tài sản trên đất. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không xem xét để giải quyết yêu cầu phản tố bổ sung này của bị đơn bà Lâm Thị T1 là phù hợp và có căn cứ.

[2.3] Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao ngôi nhà thuộc sở hữu của bà T1 cho ông T, bà N sở hữu; buộc bị đơn phải dọn dẹp, di dời để giao căn nhà cho ông T, bà N là không có căn cứ pháp lý, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Giữa nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lâm Thị T1 thừa nhận việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2016 là tự nguyện và hợp pháp, nội dung hợp đồng thể hiện bà T1 chuyển nhượng cho ông T, bà N quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 32, tại xã B (nay là xã V).

Ông T, bà N trình bày rằng hai bên chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 224; trên thửa 224 có 01 ngôi nhà tạm đã xuống cấp, hư hỏng nên bà T1 nói bằng miệng là cho ông, bà ngôi nhà này. Tuy nhiên, ông T, bà N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà T1 cho ông T, bà N ngôi nhà trên thửa đất số 224.

Bà T1 trình bày rằng khi bà chuyển nhượng thửa đất số 224 cho ông T, bà N thì trên thửa 224 có 01 căn nhà, nhưng các bên không đề cập gì đến việc chuyển nhượng căn nhà này.

Vì vậy, có căn cứ xác định ngôi nhà này chưa được giao dịch, chuyển nhượng giữa các bên.

Mặt khác, ông T và bà N đã quản lý, sử dụng đất và sinh sống ổn định từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất cho tới nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều thống nhất kết quả định giá tài sản ngày 28/8/2025. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm giao ngôi nhà trên thửa 224 cho ông T, bà N sở hữu và yêu cầu ông T, bà N phải thanh toán giá trị còn lại của ngôi nhà cho bà T1 theo kết quả định giá tài sản ngày 28/8/2025 của Hội đồng định giá với số tiền 9.307.770 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà T1 phải dọn dẹp, di dời các vật dụng để trong căn nhà để bàn giao ngôi nhà cho ông T, bà N sở hữu là phù hợp.

[2.4] Xét nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà Lê Thị N phải công khai xin lỗi tại Tòa án, bằng văn bản về những điều đã vu khống, Hội

đồng xét xử thấy rằng:

Bị đơn bà Lâm Thị T1 cho rằng bà Lê Thị N có hành vi vu khống, xúc phạm bà và có ông Phạm Anh T2 nghe lại và nói lại với bà; tuy nhiên, theo Giấy xác nhận ngày 20/4/2018, ông Phạm Anh T2 xác nhận “*Bà N có nói bây giờ lừa đảo nhiều lắm nên phải hỏi để biết*”, ngoài ra không có nội dung nào khác. Xét thấy lời trình bày của bà T1 chủ yếu dựa trên thông tin nghe ông T2 thuật lại, không phải là nguồn chứng cứ trực tiếp; trong lời trình bày của ông T2 là người bà T1 cho rằng đã nghe và truyền đạt lại cho bà cũng không thể hiện bà N có lời nói mang tính bịa đặt, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay nhằm hạ thấp uy tín của bà T1. Bên cạnh đó, nội dung mà bà T1 trình bày không được bà N thừa nhận; bà T1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bà Lê Thị N công khai xin lỗi tại Tòa án, bằng văn bản là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T1 là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T1. Hoàn trả cho bà T1 số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) (do ông Phan Tấn D là người đại diện theo uỷ quyền của bà T1 nộp thay) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002997 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Lâm Thị T1 là ông Phan Tấn D.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lâm Thị T1. Hoàn trả cho bà Lâm Thị T1 số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002997 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 2 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 2 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lương Văn Hùng